

Bản án số: 144/2022/DS-PT
Ngày: 22-8-2022
Về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Văn Hai;
2. Bà Phạm Thị Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 119/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST, ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện AP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 26, ấp A H, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh G. Có mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của ông V: Bà Phan Thị Kiều Tr, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 26, ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh G. Có mặt

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985 và ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 223, khu dân cư ấp HB1, xã ĐPh, huyện AP, tỉnh G. Vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp PhM, xã PhH, huyện AP, tỉnh G. Có mặt

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V; bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V do bà Phan Thị Kiều Tr đại diện theo ủy quyền trình bày: Khi gia đình ông V bán đất có phân chia cho ông một số tiền, ông V đem tiền về giao cho vợ là bà Tr nhưng bà Tr không nhận. Do quen biết và có sự tin tưởng từ trước, ông V đem sự việc trên kể với bà H thì bà H đưa cho ông số tài khoản của mình mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank), giao thẻ ATM và mật khẩu thẻ cho ông V giữ để làm tin. Ngày 12/11/2018 ông V chuyển vào số tài khoản của bà H số tiền 45.885.000 đồng tại Agribank chi nhánh AP, ngày 29/01/2019 ông chuyển tiếp vào số tài khoản của bà H số tiền 100.000.000 đồng tại Agribank chi nhánh Châu Đốc; tổng số tiền là 145.885.000 đồng. Khoảng tháng 2, tháng 3/2019 bà H dùng CMND rút toàn bộ số tiền trên và gửi vào tài khoản tiết kiệm của bà H. Tháng 4/2019 ông V phát hiện tiền đã được rút hết nên liên hệ với bà H yêu cầu trả lại tiền nhưng bà H không đồng ý, có xin lại 100.000.000 đồng và có ông Th chứng kiến sự việc. Nay ông V yêu cầu bà H liên đới cùng ông H1 trả cho ông số tiền 145.885.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 02/2019 đến khi xét xử.

Bị đơn do ông Khả đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông V, ông Th, bà L, bà H có quan hệ quen biết. Trong thời gian còn chơi chung với nhau, ông V có nói với ông Th, bà H biết về việc ông có hùn hạp làm ăn với ông Nguyễn Văn T trong việc thi công các công trình xây dựng trường học và các công trình khác. Ông V muốn hùn làm ăn với ông T nhưng do vợ ông không tin tưởng ông T nên không đưa tiền cho ông V. Cuối năm 2018, đầu năm 2019 ông V có mượn tiền của bà H 3 lần để thanh toán các hóa đơn, chứng từ hùn hạp, cụ thể: Cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 2018 ông V có hỏi mượn tiền của bà H số tiền 45.885.000 đồng, ngày 03/11/2018 sau khi mua bán với Cửa hàng Tân Đại Phát thì ông V đưa cho bà H phiếu thanh toán thu tiền của Tân Đại Phát để làm tin. Đến ngày 22/11/2018 ông V chuyển trả cho bà H số tiền 45.885.000 đồng tại Agibank chi nhánh AP, khoảng 2, 3 ngày sau bà H rút tiền. Cuối tháng 11, đầu tháng 12/2018 ông V mượn thêm bà H 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, bà H đưa tiền mặt không làm biên nhận. Ông V nói với bà H do ông T chưa quyết toán nên chưa trả tiền cho bà H, đến ngày 29/01/2019 thì ông V chuyển vào số tài khoản bà H số tiền 100.000.000 đồng. Việc ông V mượn thẻ ngân hàng Agribank của bà H ông Th biết việc này, việc ông V cho rằng bà H giao thẻ cho ông V giữ làm tin là không có. Cuối năm 2020 đầu năm 2021 bà Tr - vợ ông V nghi ngờ mối quan hệ giữa ông V và bà H nên xảy ra mâu thuẫn. Nay ông H!, bà H không đồng ý trả nợ.

Người làm chứng trình bày:

Ông Đinh Hữu Th: Ông Th, ông V, bà H quen biết từ năm 2015 và chơi chung đến nay. Theo ông việc ông V khai tại quán cà phê Rita bà H có gợi ý xin số tiền 100.000.000 đồng là không có. Sự việc là khoảng tháng 4 - 5/2020 ông Th cùng ông V, bà H uống cà phê ở quán Phong Phi lúc này ông V có mượn thẻ ATM của bà H và bà H đồng ý, còn khi giao thẻ thì ông không biết. Ông nghe bà H nói do ông V làm ăn cùng với ông T nhưng thẻ lương do vợ ông V quản lý, kiểm soát nên ông V mượn thẻ của bà H giao dịch nhằm né tránh sự quản lý của vợ. Còn việc

uống cà phê ở quán Rita thì ban đầu ông Th cùng bà H uống cà phê, lát sau ông V đến thì chỉ uống cà phê nói chuyện, không có việc bà H gợi ý xin tiền 100.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T: Ông có mối quen biết với ông V do ông V làm ở Phòng giáo dục huyện. Ông V lo giấy tờ hồ sơ còn ông làm công trình, bà H thì sau này ông mới biết. Bà H nói với ông T tiền mà ông V đưa cho ông là tiền của bà cho ông V mượn, ông T xác định có mượn tiền ông V nhưng khi đó ông V chỉ nói là tiền của bà chị, còn bà H cho rằng bà chị là mà ông V nói là bà H. Sau đó bà H nhiều lần ghé nhà ông và điện thoại cho ông nhiều lần và có 01 lần ghé qua nhà ông nói chuyện thì ghi âm lại. Trong quá trình ghi âm bà H thường xuyên gài vào câu: bà chị mà ông V nói là mình. Ông thường xuyên mượn tiền của ông V và hiện đã trả đủ còn nguồn tiền từ đâu thì ông không quan tâm. Ông V là người giới thiệu cho ông đến Cửa hàng VLXD Tân Đại Phát mua vật liệu xây dựng, ông là người trả tiền còn trong biên nhận ghi tên ông và ông V do nhân viên quen ông V còn ông là người lạ, số tiền trả cho Tân Đại Phát là tiền của ông hay ông V ông không nhớ, toa mua hàng ông không giữ vì thường trả tiền xong là ông xé bỏ toa, ông không hùn làm ăn cùng với ông V.

Bà Nguyễn Thị Loan: Bà và ông V, bà H quen biết nhau do cùng học chung lớp sơ cấp lý luận chính trị. Không nhớ chính xác nhưng năm 2019 có một lần gặp bà H, bà H có nói việc cho V mượn tiền nhưng mượn bao nhiêu, lúc nào thì không có nói và bà cũng không hỏi cặn kẽ. Bà cũng không chứng kiến việc ông V hỏi mượn tiền cũng như việc bà H đưa tiền cho ông V.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp chứng cứ là các sổ phụ sao kê tài khoản của bà H tại Agribank chi nhánh A từ ngày 15/01/2018 đến 20/10/2018, từ ngày 12/11/2018 đến 30/3/2019 và từ ngày 20/4/2019 đến 21/12/2020.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện AP quyết định:

Căn cứ Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 202, 228, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 579 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V buộc bà H, ông H1 liên đới trả số tiền 145.885.000 (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng và yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 45.885.000 (Bốn mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

1. Ngày 26 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm với nội dung buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc H1 trả lại cho ông số tiền 191.953.775đ trong đó (145.885.000đ tiền gốc và 45.953.775đ tiền lãi tạm tính từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2021 với lãi suất 1,5%/tháng).

2. Ngày 26 tháng 5 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc bà trả cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền 100.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Tr đại diện cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với ông Nguyễn Ngọc H1 về việc liên đới trả nợ cho ông V; bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh G, căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện AP.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng V đối với ông Nguyễn Ngọc H1.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả số tiền vốn và lãi 191.953.775 đồng, trong đó vốn 145.885.000 (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng và yêu cầu tính lãi 45.953.775đồng.

Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.597.650 đồng và án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hoàng V khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Ngọc H! yêu cầu trả số tiền 145.885.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 02/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét đơn kháng cáo ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu sửa bản án sơ thẩm với nội dung buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc H1 trả cho ông số tiền 191.953.775đ trong đó (145.885.000đ tiền gốc và 45.953.775đ tiền lãi tạm tính từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2021 với lãi suất 1,5%/tháng). Tại phiên tòa phúc thẩm bà Tr đại diện ông Nguyễn Hoàng V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Thu H trả cho ông V số tiền 191.953.775đ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V đối với ông Nguyễn Ngọc H1.

Đối với số tiền 45.885.000 đồng ông V chuyển vào tài khoản của bà H ngày 12/11/2018, ông V cho rằng nhờ bà H giữ giùm nay yêu cầu bà H trả lại, bà H cho rằng đây là tiền ông V mượn, nhận thấy: Theo pH1 thu tiền của cửa hàng Tân Đại Phát ngày 03/11/2018 thể hiện ông V, ông T trả tiền vật liệu xây dựng số tiền 45.885.000 đồng, ông V cũng thừa nhận vấn đề này. Ông V cho rằng không làm ăn cùng ông T, ông T khai có quen biết ông V do ông V làm ở phòng giáo dục huyện, ông V lo giấy tờ hồ sơ còn ông làm công trình xây dựng, ông V là người giới thiệu cho ông T đến cửa hàng vật liệu xây dựng Tân Đại Phát mua vật liệu xây dựng nên việc ông V chuyển vào tài khoản của bà H số tiền 45.885.000 đồng bằng với số tiền thanh toán cho Cửa hàng Tân Đại Phát điều này thể hiện ông T và ông V có cùng nhau làm ăn qua lại. Ông V nộp số tiền 45.885.000 đồng vào tài khoản của bà H, thì bà H có nhắn tin hỏi tiền gì ông V trả lời đó là tiền ông nộp và chụp hình gửi Zalo phiếu thu tiền của cửa hàng vật liệu xây dựng Tân Đại Phát cho bà H. Nếu bà H đồng ý cho ông V mượn nhờ tài khoản để gửi tiền thì việc ông gửi tiền vào tài khoản của bà H thì tại sao bà H còn phải hỏi nguồn gốc số tiền ông chuyển. Đồng thời theo bảng sao kê tài khoản Agribank của bà Nguyễn Thị Thu H thì từ ngày 12/11/2018 - 17/11/2018 liên tục có giao dịch rút tiền trong tài khoản bằng thẻ ATM của bà H. Thời điểm này ông V khai chưa được bà H giao thẻ và ông cũng biết bà H có sử dụng thẻ để rút tiền nhưng không ngăn cản, cho thấy ý chí của ông là đồng ý cho bà H sử dụng số tiền trên. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V đòi bà H trả lại số tiền 45.885.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng ông V chuyển vào tài khoản của bà H ngày 29/01/2019, ông V cho rằng nhờ bà H giữ giùm nên yêu cầu bà H trả lại nhưng nội dung chuyển tiền không thể hiện nhờ bà H giữ giùm, bà H cho rằng cuối tháng 11, đầu tháng 12/2018 ông V mượn tiền của bà H hai lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, bà H đưa tiền mặt không làm biên nhận, mặc dù không làm biên nhận nhưng đến ngày 29/01/2019 ông V chuyển vào số tài khoản của bà H số tiền 100.000.000 đồng, điều này chứng tỏ ông V có mượn tiền của bà H và phù hợp với lời khai của những người làm chứng do cả hai bên cung cấp đều xác định biết việc ông V có mượn tiền của bà H nhưng mượn ở đâu, thời gian nào thì không biết. Ngoài ra, ông Đinh Hữu Th là người làm chứng do ông V cung cấp xác định

khoảng tháng 4-5/2020 ông Th cùng ông V, bà H uống cà phê ở quán Phong Phi, lúc này ông V có mượn thẻ ATM của bà H và bà H đồng ý, còn khi giao thẻ thì ông không biết. Ông nghe bà H nói do ông V làm ăn cùng với ông T nhưng thẻ lương do vợ ông V quản lý, kiểm soát nên ông V mượn thẻ của bà H giao dịch nhằm né tránh sự quản lý của vợ. Bà H cũng xác định là khoảng tháng 4-5/2020 mới giao thẻ ATM cho ông V mượn. Do đó, ông V cho rằng số tiền 100.000.000 đồng mà ông chuyển vào số tài khoản của bà H ngày 29/01/2019 là nhờ bà H giữ giùm và bà H cũng giao thẻ ATM và mật khẩu thẻ cho ông V giữ để làm tin là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm lập luận và nhận định bà H dùng giấy chứng minh nhân dân mà không sử dụng thẻ ATM để rút tiền mặt tại quầy từ ngày 29/01/2019 đến ngày 30/3/2019 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V buộc bà H trả lại số tiền 100.000.000 đồng là không có căn cứ, vì theo bảng sao kê do Ngân hàng cung cấp thì cùng ngày 29/01/2019 buổi chiều thẻ hiện bà H có rút 50.000.000đ bằng thẻ ATM, trong khi đó thẻ ATM của bà H do ông V giữ. Đến ngày 27/02/2019 bà H rút tiền trực tiếp tại quầy, ông V biết nhưng không có ý kiến ngăn cản hay tranh chấp gì, ngày 06/3/2019 lại tiếp tục nộp vào tài khoản số tiền 8.000.000đ, đến ngày 12/3/2019 bà H rút tiền tại quầy 9.000.000đ ông V cũng không có ý kiến. Do đó việc ông V cho rằng mượn thẻ của bà H để gửi tiền là không có cơ sở.

Ông Nguyễn Hoàng V kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện AP.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả 191.953.775đ trong đó (145.885.000đ tiền gốc và 45.953.775đ tiền lãi tạm tính từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2021 với lãi suất 1,5%/tháng).

Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.597.650 đồng và án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện AP;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V đối với ông Nguyễn Ngọc H1

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả trả 191.953.775đ trong đó (145.885.000đ tiền gốc và 45.953.775đ tiền lãi tạm tính từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2021 với lãi suất 1,5%/tháng)

Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.597.650 đồng, được khấu trừ vào 4.790.000 (Bốn triệu bảy trăm chín chục nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007106 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện AP, ông V còn phải nộp thêm 4.789.650 đồng (Bốn triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Về án phí phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007018 ngày 15/6/2022 Chi cục thi hành án huyện AP(đã nộp xong).

- Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007016 ngày 15/6/2022 Chi cục thi hành án huyện AP.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh G;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện AP;
- THA huyện AP;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

Cao Minh Lễ